

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khương

Ông Hà Ứng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Bành Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 386/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Danh X**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Chị **Thị G**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Thị G vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh X trình bày:

Vào năm 2022, anh và chị Thị G lập gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng anh được UBND xã G, huyện Ch, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 22/5/2023.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh rất hạnh phúc, thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Anh và chị Thị G đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2024 đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn cuộc sống gia đình.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc nên anh quyết định xin ly hôn với chị Thị G.

Quá trình chung sống, anh và chị Thị G có 01 con chung tên Danh Hồng X2, sinh ngày 09/6/2023. Anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X2; không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Danh X có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Thị G.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Danh Hồng X2, sinh ngày 09/6/2023; không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu X2.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thị G đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị G đều không có mặt.

Tại phiên tòa, anh X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị G. Chị G vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Danh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Danh X khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Thị G có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Chị Thị G chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Danh X, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị G vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh X đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn chị Thị G. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thị G là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh X và chị Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh X và chị G phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không còn tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Thực tế, anh X và chị G đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 3/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị G không có mặt theo các Thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện chị G không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị G vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh X và chị G đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh X yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị G để anh ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Danh X, cho anh X được ly hôn chị Thị G là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Danh X xác nhận, trong thời gian chung sống anh và chị Thị G có 01 con chung tên Danh Hồng X2, sinh ngày 09/6/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh X yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X2; không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù chị G chưa có ý kiến về việc nuôi con và cháu Danh Hồng X2 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nhưng trong thời gian anh X và chị G sống ly thân với nhau cho đến nay thì anh X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Danh Hồng X2, sinh ngày 09/6/2023. Do đó, xét về mặt tình cảm, điều kiện và hoàn cảnh, môi trường sinh sống trong thời gian qua cháu X2 đã thích nghi, ổn định trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh X, cho anh X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Danh X không yêu cầu chị Thị G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị G theo quy định pháp luật nhưng chị G vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh X và chị G được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh X xác nhận trong thời gian chung sống cùng chị G, anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Danh X là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Danh X và chị Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Hồng X2, sinh ngày 09/6/2023 cho anh Danh X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh X không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Danh X phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị anh X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005788 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; anh X không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Danh X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thúy Hằng